

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-06-2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi
dưỡng con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng.

2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương-Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2024 về "tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn B1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn LX, xã L, thị xã K, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Đào Thị Thu H1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn LX, xã L, thị xã K, tỉnh H.

Anh B1, chị H1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-anh Vũ Văn B1 trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với Đào Thị Thu H1, sinh năm 1985 vào ngày 04/07/2013 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K. Sau ngày cưới, chị H1 về gia đình anh chung sống. Quá trình chung sống tại đây đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H1 dính vào tệ nạn cờ bạc, dẫn đến nợ tiền xã hội. Từ thời điểm biết sự việc chị H1 chơi cờ bạc, hai vợ chồng đã không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tháng 4/2022, do lo sợ các chủ nợ đến đòi nên chị H1 đã tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay không quay về,

chỉ thi thoảng có nhắn tin cho anh để hỏi thăm về con. Do sự việc chị H1 bỏ đi đã lâu nên hai bên gia đình đều động viên anh làm thủ tục ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Đào Thị Thu H1.

2. Quan hệ về con chung: Vợ chồng anh có một con là Vũ Văn T1, sinh ngày 19/5/2014, con do anh nuôi dưỡng từ khi chị H1 bỏ nhà đi. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện tại anh đang làm công nhân tại Công ty TNHH May Tinh Lợi, địa chỉ: Khu công nghiệp Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh H, thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000 đồng/tháng. Anh và cháu Tuấn đang sinh sống ổn định trên nhà đất của gia đình anh tại thôn Lê Xã, xã L, thị xã K, tỉnh H.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị Đào Thị Thu H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-anh Vũ Văn Duy trình bày:* Anh và anh B1 có quan hệ là anh em ruột. Chị H1 là chị dâu của anh. Anh B1, chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn, anh B1, chị H1 về sinh sống trên mảnh đất của bố mẹ đẻ anh để lại tại thôn Lê Xã, xã L, thị xã K, tỉnh H. Anh sinh sống trên mảnh đất tiếp giáp với gia đình hai anh chị. Anh có biết việc vợ chồng anh B1, chị H1 xảy ra mâu thuẫn vào năm 2021, nguyên nhân là do chị H1 sa đà vào cờ bạc trên mạng, dẫn đến nợ nần nhiều. Từ đó trở đi, anh B1, chị H1 thường xuyên xảy ra việc cãi vã và không còn tiếng nói chung nữa. Đến khoảng tháng 4/2022, do nợ nần vì cờ bạc, lo sợ các chủ nợ đến nhà tìm nên chị H1 đã tự ý bỏ nhà đi đến nay không quay về. Gia đình anh nhiều lần tìm cách liên lạc với chị H1 nhưng không được, không biết chị H1 đang làm gì, ở đâu, thi thoảng chị H1 chỉ nhắn tin về để hỏi thăm con cái nhưng chị H1 không nói địa chỉ ở đâu. Nay quan điểm của anh cũng như gia đình tôn trọng quan điểm của anh B1, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B1 được ly hôn chị H1; anh B1, chị H1 có 01 con là Vũ Văn T1, sinh ngày 19/5/2014. Con do anh B1 nuôi dưỡng kể từ khi chị H1 bỏ nhà đi. Ly hôn, anh B1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng con. Quan điểm của gia đình anh xác định anh B1 có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên hoàn toàn đồng ý với nguyện vọng của anh B1. Gia đình anh sẽ hỗ trợ anh B1 trong việc nuôi dạy, chăm sóc cháu Tuấn.

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-bà Nguyễn Thị Giá trình bày:* Bà là mẹ đẻ của chị H1, anh B1 là con rể bà. Anh B1, chị H1 kết hôn vào ngày 04/7/2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau ngày cưới chị H1 về gia đình anh B1 chung sống. Quá trình chung sống, thi thoảng anh B1, chị H1 đưa con về gia đình bà chơi. Đến khoảng năm 2022, bà được anh B1 thông tin là chị H1 tự ý bỏ

nhà đi. Anh B1 có sang gia đình bà để tìm đón chị H1 quay về nhưng sau khi bỏ nhà đi chị H1 không về gia đình bà. Bà nhiều lần liên lạc với chị H1 qua số điện thoại 0986.639.447, máy đồ chuông nhưng chị Hương không nghe máy. Kể từ đó đến nay chị H1 không có bất kỳ liên lạc gì với bà. Bà không biết chị H1 đang làm gì, ở đâu. Theo bà được biết chị H1 có chơi cờ bạc online dẫn đến nợ nần sau đó trốn nợ. Bà đã nhiều lần động viên anh B1 làm thủ tục ly hôn nhưng anh B1 vẫn cố gắng chờ đợi chị H1 quay về. Đến nay chị H1 không rõ đi đâu, làm gì, anh B1 có đơn xin ly hôn chị H1, quan điểm của bà xác định mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B1 được ly hôn chị H1; anh B1, chị H1 có 01 con là Vũ Văn T1, sinh ngày 19/5/2014. Do chị H1 hiện nay không biết đi đâu, làm gì nên bà đề nghị Tòa án giao con cho anh B1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-anh Đào Trung K1 trình bày:* Anh là em trai của chị H1, anh B1 là anh rể anh. Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn cũng như việc chị H1 vắng mặt tại nơi cư trú như bà Nguyễn Thị Giá-Mẹ đẻ anh đã trình bày. Nay anh B1 có đơn xin ly hôn chị H1, quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 03/5/2024, UBND xã L cung cấp:* Anh B1, chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 04/7/2013. Sau ngày cưới anh B1, chị H1 chung sống tại thôn LX, xã L, thị xã K, tỉnh H đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, theo nắm bắt tình hình khu dân cư thì chị H1 có biểu hiện chơi bời. Chị H1 đã không còn cư trú tại địa phương từ đầu năm 2022 đến nay. Nay anh B1 có đơn yêu cầu ly hôn chị H1, UBND xã L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; anh B1, chị H1 có 01 con là Vũ Văn T1, sinh ngày 19/5/2014. Do chị H1 vắng mặt tại nơi cư trú, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, UBND xã L đề nghị Tòa án giao con cho anh B1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (*Viết tắt: HĐXX*) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn B1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh B1 ly hôn chị H1; về con chung: Giao cho anh B1 trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Văn T1, sinh ngày 19/5/2014 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B1 về việc không yêu cầu chị H1 phải thực

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Anh B1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Anh Vũ Văn B1 khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn-Đào Thị Thu H1 thuộc thôn LX, xã L, thị xã K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo cho bị đơn:* Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng và việc niêm yết công khai không bảo đảm việc bị đơn nhận được thông tin về văn bản, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[1.3]. *Về thủ tục hòa giải:* Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Văn B1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Anh B1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Văn B1 và chị Đào Thị Thu H1 kết hôn vào ngày 04/7/2013 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H1 về gia đình anh B1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H1 có biểu chơi bời dẫn đến nợ nần rồi bỏ nhà đi từ đầu năm 2022 đến nay. Mặc dù anh B1 đã nhiều lần động viên và chờ đợi nhưng chị H1 không quay về. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh B1, chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh B1 được ly hôn chị H1.

[3]. *Quan hệ về con chung:* Anh B1, chị H1 có 01 con là Vũ Văn T1, sinh ngày 19/5/2014. Nay ly hôn anh B1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng con, tự

nguyên không yêu cầu chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh B1, HĐXX thấy: Kể từ khi chị H1 bỏ nhà đi, con do anh B1 nuôi dưỡng khôn lớn, khỏe mạnh, phát triển bình thường; cháu Vũ Văn T1 có nguyện vọng được ở với bố; anh B1 có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định và được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên có đủ điều kiện nuôi con; ý kiến của Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND xã L đề nghị Tòa án giao con cho anh B1 nuôi dưỡng. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX thấy cần giao con Vũ Văn T1 cho anh B1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B1 về việc không yêu cầu chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn B1. Xử cho anh Vũ Văn B1 ly hôn chị Đào Thị Thu H1.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn B1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Văn T1, sinh ngày 19/5/2014 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn B1 về việc không yêu cầu chị Đào Thị Thu H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Đào Thị Thu H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn B1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, theo biên lai số 0002325 ngày 07/3/2024. Anh Vũ Văn B1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã L (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Đức Huân